

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2013/05/03					0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△						6 < , ≤ 30 ± 0.2
△						30 < , ≤ 120 ± 0.3
△						120 < , ≤ 400 ± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0406-m, JIS B 0419-k
						FINISH MARKS
						1.6 / (0.4 G)

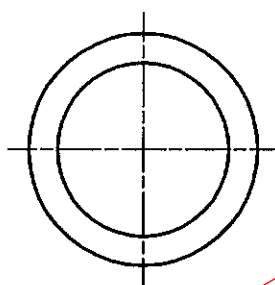
6127

全C0.2

LA (C0.3)



GS mài tinh bằng đá
120 K để đạt độ bóng



LA (Ø32.2) -GR

LA

Ø32^{-0.01}_{-0.03}

Ø24

0.4

G

0.4

G

LA (32.2) -GS



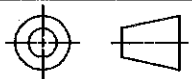
32^{-0.1}_{-0.1}

0.4

G



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Phan_Lam_Hoai	Pham_Thanh_Tung	部品図	ワッシャー
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	WASHER
HRC 58° ~ 62°		部品図	墊圈
		部品図	墊圈
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD11	2013/05/03	1:1	S889970



SNO: S889970	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø36*37	LA:40 HT:40 GS:20 GR:30 KT